

NÂNG CAO KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TRONG HỌC TẬP CHO SINH VIÊN TIẾNG ANH - NHẬN THỨC CỦA GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Nguyễn Văn Lợi, Chung Thị Thanh Hằng, Trương Nguyễn Quỳnh Như và Phạm Thị Mai Duyên¹
¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 29/06/2014

Ngày chấp nhận: 29/08/2014

Title:

Promoting learner autonomy among students of English: Beliefs of English language lecturers in some universities

Từ khóa:

Tự chủ trong học tập, quan niệm, nhận thức, giáo viên tiếng Anh

Keywords:

Learner autonomy, belief, English language teachers

ABSTRACT

Little research has been conducted on teacher beliefs of learner autonomy in language learning (Borg và Al-Busaidi, 2012). In Vietnam this has been given due attention just recently. The current paper reports on the results of a study undertaken since April, 2014, using survey and interview. The participants were 84 lecturers of English from six public universities which offer training in English language programs. The study showed that they advocated the psychological and social perspectives of learner autonomy more than the political and technical ones. While desiring to grant students opportunities to be involved in decision-making and to develop in them abilities that indicate learner autonomy, the lecturers felt that it was less feasible to implement these in their teaching contexts.

TÓM TẮT

Có rất ít nghiên cứu về nhận thức của giáo viên về tự chủ trong học tập ngoại ngữ (Borg và Al-Busaidi, 2012). Ở Việt Nam, nghiên cứu về vấn đề này cũng mới được quan tâm gần đây. Bài viết này trình bày kết quả của một nghiên cứu thực hiện từ tháng 04 năm 2014 tìm hiểu nhận thức của giảng viên tiếng Anh một số trường đại học trong nước, sử dụng một phiếu khảo sát và phỏng vấn. Đối tượng là 84 giảng viên tiếng Anh công tác tại 6 trường công lập có Khoa chuyên ngữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy giảng viên tiếng Anh ủng hộ quan điểm tâm lý học và xã hội về tự chủ hơn là quan điểm chính trị và kỹ thuật. Trong khi mong muốn sinh viên tham gia quyết định việc học của mình, và có kỹ năng tự học, giảng viên lại tin rằng khó có thể thực hiện được một cách hiệu quả.

1 GIỚI THIỆU

Tự chủ trong học tập “learner autonomy” là một khái niệm được giới nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục nói chung và trong giáo dục ngôn ngữ nói riêng quan tâm nhiều trong những năm gần đây, đặc biệt là ở những nước phương Tây. Đã có nhiều thảo luận về khái niệm này từ nhiều góc độ khác nhau (xem 2.1), và cũng có nhiều nghiên cứu về phương pháp phát huy tính tự chủ trong học tập nhằm nâng cao động cơ và kết quả học tập ngôn

ngữ. Tuy nhiên, nghiên cứu về nhận thức của giáo viên đối với việc phát triển khả năng tự chủ cho người học ngoại ngữ vẫn còn là một mảnh đất ít được khai thác.

Nghiên cứu trong lĩnh vực nhận thức của giáo viên nói chung đã kết luận rằng với vai trò chủ thể trong quá trình giáo dục, giáo viên tham gia vào quá trình giáo dục thông qua lăng kính nhận thức của mình, và điều này ảnh hưởng đến phương pháp dạy học và kết quả giáo dục (Borg, 2006). Trong

bối cảnh văn hóa và giáo dục Phương Đông và đặc biệt là Việt Nam hiện tại cần phải nâng cao khả năng tự chủ trong học tập cho sinh viên, hiểu theo nghĩa sinh viên chịu trách nhiệm và có khả năng kiểm soát các hoạt động học tập của mình, lại có rất ít nghiên cứu về nhận thức và cách thực hiện của giáo viên ngoại ngữ đối với việc nâng cao khả năng tự chủ trong học tập cho người học ngoại ngữ. Bài viết này sẽ trình bày kết quả của một nghiên cứu đối với giảng viên tiếng Anh chuyên ngữ tại một số trường đại học trong nước về vấn đề này.

2 CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1 Khái niệm tự chủ trong học tập

Khái niệm tự chủ trong học tập ‘learner autonomy’ có nguồn gốc từ hệ tư tưởng phương Tây, phát triển từ khái niệm tự chủ ‘autonomy’ (Little, 1999), và được hiểu từ nhiều góc độ khác nhau. Khái niệm này ban đầu được Holec (1979) định nghĩa là **năng lực** tự chịu trách nhiệm về việc học của mình. Các tác giả về sau bổ sung thêm và diễn giải khái niệm này theo nhiều cách khác nhau. Little (1991) thêm xem nó là kỹ năng tự lập: Tự chủ là “**năng lực** tự lập, năng lực tư duy phê phán, ra quyết định và hành động độc lập” (Little, 1991, p. 4). Dickinson (1993) xem tự chủ trong học tập là **hoàn cảnh** trong đó người học hoàn toàn chịu trách nhiệm về tất cả những quyết định liên quan đến việc học của bản thân và thực thi những quyết định đó (Dickinson, 1993). Ở một góc độ khác, Dam (1995) xem tự chủ là **sự sẵn sàng** chịu trách nhiệm về việc học của mình để phục vụ cho nhu cầu và mục đích của mình. Các tác giả Benson và Voller (1997) tổng kết lại bốn nghĩa khác nhau của khái niệm này, cụ thể tự chủ trong học tập là những **hoàn cảnh** trong đó người học hoàn toàn tự học một mình; là những **kỹ năng** có thể học và ứng dụng để học tự định hướng; là **sự thực thi** trách nhiệm của người học đối với việc học của mình; hay **quyền** của người học được quyết định về việc học của mình. Theo đó, các tác giả này phân biệt bốn quan điểm khác nhau về tự chủ trong học tập, bao gồm:

- Quan điểm thuần túy kỹ thuật xem tự chủ là **hoạt động học** ngoại ngữ bên ngoài bối cảnh trường lớp và không có sự can thiệp của giáo viên.
- Quan điểm tâm lý học xem tự chủ là **năng lực** cho phép người học chịu trách nhiệm về việc học của mình.
- Quan điểm chính trị xem tự chủ là **điều kiện** cho phép người học kiểm soát quá trình và nội

dung học tập cũng như bối cảnh trường lớp mà trong đó việc học diễn ra.

- Quan điểm xã hội xem tự chủ là **năng lực** tương tác và hợp tác với người khác trong việc học.

Từ những định nghĩa và phân loại trên, có thể thấy rằng tự chủ trong học tập được hiểu theo nhiều cách khác nhau, với những ngôn từ diễn đạt khác nhau, nhưng tựu trung khái niệm này bao gồm 3 yếu tố cơ bản:

Thứ nhất, tự chủ có thuộc tính **năng lực**, bao gồm các kỹ năng có thể học tập được hoặc bẩm sinh (Holec, 1979; Little, 1990). Các kỹ năng này bao gồm kỹ năng tự học một mình, kỹ năng tư duy phê phán, ra quyết định, và các kỹ năng làm việc hợp tác (Benson và Voller, 1997). Năng lực này theo tác giả Dam (1995) đó là sự sẵn sàng tự chịu trách nhiệm của người học.

Thứ hai, tự chủ là **hoàn cảnh** hay tình trạng mà trong đó người học hoàn toàn tự kiểm soát, tự chịu trách nhiệm và thực hiện các hoạt động học tập, và có thể các hoạt động này hoàn toàn không phụ thuộc vào giáo viên, hay chương trình học (Dickinson, 1993). Thông qua những điều kiện hoàn cảnh mà người học có thể hoặc không thể phát triển được khả năng tự chủ.

Thứ ba là yếu tố **quyền** làm chủ việc học, tức là người học được quyền tham gia quyết định các khía cạnh liên quan đến việc học của bản thân như: mục tiêu, phương pháp dạy và học, tài liệu, cách đánh giá.

2.2 Tự chủ và các yếu tố liên quan

Tự chủ có liên quan thế nào đến một số đặc điểm của người học và môi trường văn hóa?

Mức độ khả năng tự chủ được cho là thay đổi theo độ tuổi và trình độ ngoại ngữ của người học. Tự chủ không phải là một khái niệm tuyệt đối theo nghĩa hoặc có hoặc không, mà ở độ tuổi khác nhau, thời điểm khác nhau và trình độ ngoại ngữ khác nhau, người học sẽ có mức độ tự chủ khác nhau (Kohonen, 2012).

Ngoài ra, nhiều học giả đã chỉ rõ rằng bản thân khái niệm tự chủ không phải là một khái niệm có thuộc tính văn hóa, không có nguồn gốc từ văn hóa, mà bối cảnh văn hóa xã hội có thể góp phần phát triển khả năng tự chủ, hoặc cản trở hoặc tạo thuận lợi cho khả năng tự chủ phát triển (Aoki & Smith, 1999; Crabbe, 1999; Little, 1999). Theo Little (1999), tự chủ là một năng lực hành vi phổ quát, bao gồm những năng lực mà cá nhân sở hữu, nó là tính cách, là thuộc tính của con người. Khả

năng tự chủ giống như là một thuộc tính tự nhiên tồn tại độc lập với bối cảnh văn hóa xã hội dù đó là văn hóa phương Đông và phương Tây (Crabbe, 1999).

Tự chủ trong học tập không có nghĩa là vai trò của giáo viên bị mất đi mà người giáo viên phải thay đổi vai trò của mình từ người truyền thụ kiến thức sang người tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ người học phát triển khả năng tự chủ (Crabbe, 1999). Nói cách khác giáo viên đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển tự chủ trong học tập cho học sinh sinh viên (Benson, 2009; Hurd, Beaven, & Ortega, 2001)

Có một sự thống nhất cao về vai trò của tự chủ trong học tập, đặc biệt trong dạy-học ngoại ngữ, là khả năng tự chủ trong học tập giúp người học đạt được hiệu quả học tập tốt hơn (Aoki & Smith, 1999; Benson, 2009; Egel, 2009; Kohonen, 2012).

2.3 Nghiên cứu về nhận thức của giáo viên về tự chủ trong học tập ngoại ngữ

Nghiên cứu về nhận thức và quan niệm của giáo viên về nhiều khía cạnh giáo dục khác nhau đã đạt được những thành tựu, nhưng có rất ít nghiên cứu về nhận thức của giáo viên về khả năng tự chủ. Nghiên cứu gần đây nhất của Borg và Al-busaidi (2012) đối với 63 giáo viên tiếng Anh của một trung tâm ngoại ngữ ở Oman cho thấy giáo viên có quan niệm khác nhau về tự chủ trong học tập. Đa số giáo viên nhìn nhận tự chủ ở góc độ tâm lý học; trong khi khái niệm về tự chủ theo quan điểm chính trị đứng hàng thứ hai, và thứ ba là quan điểm xã hội. Khắc phục những hạn chế về phương pháp nghiên cứu của các nghiên cứu trước đó bằng cách kết hợp sử dụng phiếu khảo sát và phỏng vấn, nhưng nghiên cứu này được thực hiện trong bối cảnh một trung tâm ngoại ngữ, hoàn toàn khác với môi trường học thuật ở đại học.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về vấn đề này lại càng ít. Nguyễn Thanh Vân (2011) so sánh quan niệm của giảng viên và sinh viên không chuyên ngữ trong bối cảnh đào tạo tín chỉ. Kết quả là khái niệm tự chủ trong học tập vẫn còn xa lạ đối với cả người dạy và người học. Điểm lưu ý là sinh viên không muốn tự chịu trách nhiệm về việc học khi không có giảng viên kiểm tra, trong khi giảng viên không nghĩ rằng họ có trách nhiệm đối với việc tự học của sinh viên. Theo tác giả, mặc dù mong muốn được quyết định về nội dung và giáo trình học tập, nhưng sinh viên lại chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm, trong khi đó giảng viên có khuynh hướng chịu trách nhiệm chọn lựa và thiết kế hoạt

động học tập. Mẫu thu của nghiên cứu này tương đối lớn, bao gồm 613 sinh viên và 47 giảng viên từ 24 trường đại học cao đẳng trong nước. Nhưng độ tin cậy của phiếu điều tra và số liệu phỏng vấn không thấy đề cập. Ngoài ra đối tượng nghiên cứu là sinh viên học tiếng Anh như là một môn phụ; do đó động cơ học tập khác hẳn với đối tượng chuyên ngữ. Tuy nhiên, chưa thấy có nghiên cứu về nhận thức của giảng viên đối với việc phát triển khả năng tự chủ cho sinh viên chuyên Anh Văn.

Tóm lại, mặc dù nghiên cứu trong và ngoài nước về quan niệm của người dạy và người học ngoại ngữ về khả năng tự chủ trong học tập đã đạt được những kết quả nhất định, các nghiên cứu này được thực hiện trong những bối cảnh khác nhau đối với những đối tượng khác nhau, trong khi quan niệm và nhận thức gắn liền với bối cảnh văn hóa xã hội (Berliner, 2005; Borg, 2006). Trong bối cảnh các trường đại học ở Việt Nam chuyên đổi sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, cần có nhiều nghiên cứu hơn về những vấn đề liên quan như khả năng tự chủ của người học. Do đó, nghiên cứu này hi vọng sẽ góp phần làm rõ thêm bức tranh về nhận thức và thực hiện nâng cao khả năng tự chủ tự chịu trách nhiệm của sinh viên về việc học. Nghiên cứu cũng sẽ góp phần củng cố cơ sở lý luận và thực tiễn đối với việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ mà đặc biệt là việc phát huy tính tự chủ học tập của sinh viên, yếu tố cốt lõi của hệ thống đào tạo này. Kết quả nghiên cứu có thể làm nền tảng định hướng cho các hội thảo tập huấn về phát triển tính tự chủ trong học tập qua đó có thể giúp tăng cường khả năng tự học cho sinh viên. Trước khi có thể nâng cao chất lượng đào tạo theo hệ thống tín chỉ, những hiểu biết về thực trạng trong quá trình chuyển đổi hệ thống đào tạo, cụ thể là sự sẵn sàng của người dạy và người học liên quan đến khả năng tự chịu trách nhiệm với việc học là thật sự cần thiết.

3 MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các mục tiêu của nghiên cứu này, dựa trên cơ sở lý luận về tầm quan trọng của nhận thức hay quan niệm của người dạy, và sự thay đổi những quan niệm hay nhận thức lệch hướng, bao gồm:

- xác định nhận thức của giảng viên tiếng Anh đối với việc nâng cao tính tự chủ trong học tập của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh
- tìm hiểu việc thực hiện của giảng viên tham gia đào tạo chuyên ngành tiếng Anh về nâng cao tính tự chủ trong học tập cho sinh viên tiếng Anh

3.1 Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được những mục tiêu trên, nghiên cứu sử dụng khảo sát để mô tả bức tranh tổng quát và phỏng vấn cá nhân để tìm hiểu sâu hơn về nhận thức của giảng viên. Phiếu khảo sát dựa theo Borg (2013) được thiết kế dựa trên tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước đây, và đã được tác giả sử dụng thu số liệu trong bối cảnh một trung tâm ngoại ngữ của Trường đại học Sultan Qaboos University tại Oman. Phiếu khảo sát, được điều chỉnh lại cho phù hợp với bối cảnh nghiên cứu, bao gồm có 4 phần. Phần 1 bao gồm 36 câu hỏi đóng thiết kế theo thang điểm 5 của Likert, khảo sát nhận thức của giảng viên về các khía cạnh quan trọng của khái niệm khả năng tự chủ trong học tập, bao gồm: tự học là gì theo các quan điểm khác nhau như quan điểm kỹ thuật (câu 2,3,6,21,30), quan điểm tâm lý học (câu 29,32,33,37), quan điểm chính trị (câu 4,7,14,22,27), quan điểm xã hội (câu 16,19,25,31); vai trò của giáo viên đối với tính tự chủ trong học tập (câu 8,18,24,35); sự phù hợp của khái niệm tự học trong bối cảnh văn hóa khác nhau (câu 13,23); tuổi tác với tính tự chủ (câu 1,10,20); trình độ ngoại ngữ và việc thúc đẩy tính tự chủ (câu 9,26,34); ý nghĩa của khái niệm tự học đối với phương pháp dạy học (câu 15,17,28); mối tương quan giữa khả năng tự học và kết quả học tập (câu 5,12,36). Câu hỏi số 11 trong bản gốc bị loại bỏ do khái niệm “người học tự tin” không rõ ràng. Phần 2 khảo sát mong muốn của giảng viên về việc tham gia quyết định về quá trình học tập, khả năng của sinh viên và tính khả thi của việc nâng cao khả năng tự chủ thông qua tham gia quyết định và phát triển các năng lực cần thiết cho việc thúc đẩy tự chủ học tập. Phần 3 khảo sát việc thực hiện nâng cao khả năng tự học cho sinh viên tiếng Anh và các yếu tố ảnh hưởng. Phần 4 thu số liệu về đặc điểm giảng viên.

Phỏng vấn được thiết kế tùy theo kết quả của phiếu khảo sát của từng cá nhân, và dựa vào phiếu phỏng vấn gợi ý của Borg (2013), để đào sâu nguồn gốc nhận thức của giảng viên, môi trường thúc đẩy tự chủ, các thử thách đối với việc thực hiện nâng cao khả năng tự chủ cho sinh viên (Xem phụ lục).

3.2 Đối tượng nghiên cứu

Có 84 giảng viên đại học tại các trường công lập tham gia trả lời phiếu khảo sát trong tổng số 120 phiếu phát ra, bao gồm như sau:

Bảng 1: Phân bố số giảng viên tiếng Anh tham gia vào nghiên cứu

Trường	Số lượng	Nam	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %
Đại học SP Đồng Tháp	18	8	44%	10	56%
Đại học An Giang	10	3	30%	7	70%
Đại học SP Quy Nhơn	14	2	14%	12	88%
Đại học Cần Thơ	18	7	38.8%	11	61.2
Đại học Hà Tĩnh	12	0	0%	12	100%
Đại học SP TPHCM	12	7	58%	5	42%
Tổng số	84	27	32.1%	57	67.8%

Bảng 2 tóm tắt phân bố mẫu theo trình độ và kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh

Bảng 2: Tỉ lệ giảng viên theo trình độ và thâm niên công tác (n=84)

Trình độ	Số lượng	Tỉ lệ %
Tiến sĩ	3	3.6%
Thạc sĩ	49	58%
Cử nhân	32	38.4%
Kinh nghiệm		
< 5 năm	16	19%
5-9 năm	18	21.4%
10-15 năm	20	23.8%
15-20 năm	18	21.4%
>20 năm	12	16.3%

Có 8 giảng viên tình nguyện tham gia trả lời phỏng vấn; những giảng viên này có trình độ Thạc sĩ, và thâm niên công tác dao động trong khoảng 5 đến 20 năm, bao gồm 5 nữ và 2 nam, đang công tác tại các Khoa đào tạo chuyên ngữ tiếng Anh tại 3 trường Đại học: Cần Thơ (3), An Giang (1), Đồng Tháp (4).

Phạm vi nghiên cứu giới hạn ở đối tượng giảng viên dạy các chuyên ngành tiếng Anh trong khoảng thời gian từ tháng 4/2014 đến 7/2014 tại các trường đại học có đào tạo các ngành tiếng Anh. Việc chọn lựa mẫu như thế nhằm đảm bảo sự đa dạng về đặc điểm đối tượng, và đủ lớn để phân tích thống kê có ý nghĩa.

4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Khuyh hướng nhận thức về khái niệm tự chủ trong học tập

Bảng 3 cho thấy nhận thức của giảng viên tiếng Anh về khái niệm tự chủ trong học tập có khuyh hướng thuộc về quan điểm tâm lý và quan điểm xã hội rõ ràng nhất. Theo đó, giảng viên đồng ý rằng các yếu tố điều kiện góp phần thúc đẩy tự chủ

trong học tập như động cơ học tập, kỹ năng tự học và tự đánh giá có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy khả năng tự chủ tự chịu trách nhiệm ($M=4.05$, $SD=.58$). Nhìn từ góc độ tương tác xã hội, khả năng tự chủ sẽ được phát triển thông qua các cơ hội và hoạt động tương tác, hợp tác làm việc nhóm ($M=3.92$, $SD=.52$). Giảng viên tiếng Anh cũng có khuynh hướng nhận thức về tự chủ theo quan điểm chính trị và thuần túy kỹ thuật ($M=3.72$, $SD=.45$; và $M=3.65$, $SD=.56$), nhưng sự đồng thuận không cao. Theo họ, sinh viên nên được tham gia quyết định và lựa chọn mục tiêu, tài liệu, và phương pháp học; và đồng thời họ ít tin tưởng hơn với việc sinh viên sẽ phát triển khả năng tự chủ trong học tập khi tham gia vào các hoạt động học tập hoàn toàn độc lập như đi thư viện hoặc trung tâm khai thác học liệu.

Bảng 3: Nhận thức về tự chủ trong học tập theo quan điểm (N=84)

Khuynh hướng	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Tâm lý học	2.25	5.00	4.05	.58
Kỹ thuật	2.00	4.80	3.65	.56
Xã hội	2.00	5.00	3.92	.52
Chính trị	2.40	4.60	3.72	.45

1= hoàn toàn không đồng ý, 2=không đồng ý, 3=không chắc, 4=đồng ý, 5= hoàn toàn đồng ý

Dữ liệu phỏng vấn cho thấy rõ nhận thức của giảng viên tiếng Anh thiên về khuynh hướng tâm lý học.

Tự chủ là một quá trình mà người học biết mình đang đi tới đâu, mình phải làm gì, tự đánh giá được mình và có thể tự (một chút ít) thiết kế việc học (GV1)

Bảng 4: Nhận thức về mối quan hệ giữa tự chủ trong học tập và các yếu tố liên quan (N=84)

Mối quan hệ	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Văn hóa_Tự chủ	1.50	5.00	3.86	.83
Vai trò GV_Tự chủ	2.50	4.50	3.44	.47
Tuổi_Tự chủ	2.00	5.00	3.84	.61
Trình độ tiếng Anh_Tự chủ	1.67	4.33	2.97	.56
Hiệu quả học_Tự chủ	2.33	5.00	4.02	.67
Phương pháp dạy_Tự chủ	1.67	4.33	3.23	.66

1= hoàn toàn không đồng ý, 2=không đồng ý, 3=không chắc, 4=đồng ý, 5= hoàn toàn đồng ý

Hầu hết các giảng viên chia sẻ trong phỏng vấn đều tin rằng sinh viên có biết đến khái niệm tự chủ trong học tập, nhưng do đã quen với phương pháp dạy học truyền thống nơi người thầy là trung tâm của quá trình dạy học, nên tính tự chủ không được khuyến khích, dẫn đến sinh viên thụ động và ý lại.

Tự mình làm chủ, điều khiển, kiểm soát hoạt động học tập của mình (GV4)

Một giảng viên cũng nêu rõ nhận thức theo khuynh hướng xã hội:

...là khả năng mà sinh viên có thể học được, ngoài việc tham gia hoạt động trong lớp, có thể tự đọc, tự học với một người bạn hoặc một nhóm bạn. (GV5)

4.2 Nhận thức về mối quan hệ giữa tự chủ và các yếu tố liên quan

Bảng 4 thể hiện rõ sự đồng thuận rất cao của giảng viên về mối quan hệ nhân quả giữa khả năng tự chủ và hiệu quả học tập ($M=4.02$, $SD=.67$). Tất cả những giảng viên được phỏng vấn đều cho rằng tự chủ sẽ giúp sinh viên nắm bắt kiến thức và phát triển kỹ năng tốt hơn kể cả kỹ năng mềm như tự duy độc lập, tư duy sáng tạo.

Tự chủ giúp phát triển khả năng ngôn ngữ, khả năng tự nghiên cứu. (GV1)

Tự chủ giúp phát huy tính sáng tạo của sinh viên, tìm ra được tri thức mới, tạo ra tính độc lập trong suy nghĩ. (GV2)

Đặc biệt phát triển khả năng tự chủ trong học tập sẽ không chỉ mang lại lợi ích trong quá trình học mà còn giúp sinh viên lâu dài. Một giáo viên chia sẻ

Tính tự chủ giúp sinh viên trong quá trình học và cả sau này để đi làm. (GV3)

Ngoài ra, giảng viên tiếng Anh cũng tin rằng cả người lớn và trẻ em đều có thể phát triển khả năng tự chủ ($M=3.84$, $SD=.61$), và người học trong mọi nền văn hóa đều có thể phát triển khả năng tự chủ với giá trị trung bình $M=3.86$, $SD=.83$.

Hầu hết sinh viên biết đến khái niệm này, nhưng ảnh hưởng văn hoá Á Đông về vai trò của người thầy, nên không làm trái ý thầy. (GV2)

Sinh viên hiểu ... nhưng theo thói quen thầy làm trung tâm nên ý vào giáo viên, giáo viên giao việc gì thì làm việc nấy. (GV3)

Không phải là không áp dụng được nhưng do cách giáo dục của mình thôi, thay đổi cách dạy thì sinh viên có thể nâng cao khả năng tự chủ được. (GV5)

Liên quan đến vai trò của giáo viên đối với việc nâng cao tính tự chủ trong học tập, giảng viên tiếng Anh cũng thống nhất cao (M=3.44, SD=.47). Cụ thể đa số (91,2%) tin rằng giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy khả năng tự chủ cho sinh viên, chỉ có khoảng 10% là không đồng ý hoặc không chắc chắn lắm. Về phương pháp dạy-học nhằm thúc đẩy tính tự chủ, khuynh hướng nhận thức của giảng viên chưa rõ ràng (M=3.23,

SD=.66). Đặc biệt giảng viên tiếng Anh chưa chắc chắn về mối quan hệ giữa trình độ tiếng Anh của sinh viên và khả năng tự chủ (M=2.97, SD=.56).

Bảng 5 mô tả về mối liên hệ giữa phương pháp dạy học và phát triển khả năng tự chủ. Mặc dù tỉ lệ giảng viên đồng ý tương đối cao (74,4%) rằng môi trường học tập lấy người học làm trung tâm là điều kiện lý tưởng để phát triển khả năng tự chủ, nhưng có 40,5% không đồng ý và 25% không chắc rằng việc phát triển khả năng tự chủ có đồng nghĩa với loại bỏ cách dạy truyền thống xem giáo viên là người truyền thụ kiến thức không.

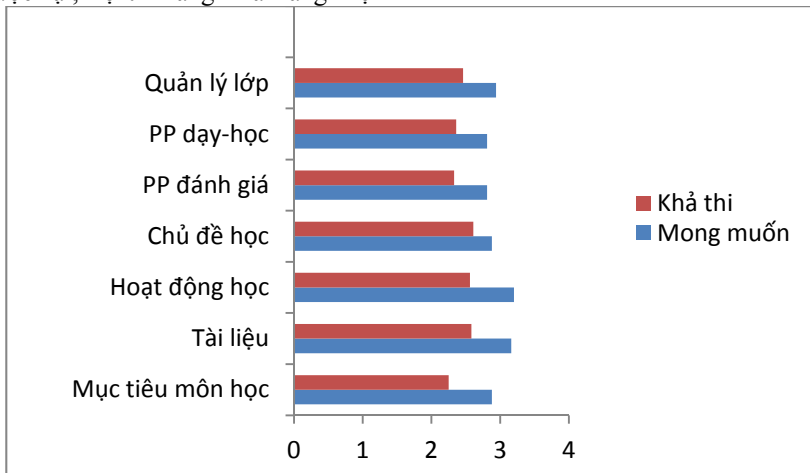
Bảng 5: Ý kiến về phương pháp dạy-học nhằm thúc đẩy tự chủ (N=84)

Câu	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không rõ	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tự chủ có nghĩa là loại bỏ cách dạy truyền thống lấy giáo viên làm trung tâm	4,8%	35,7%	25%	31%	3,6%
Lớp học lấy học sinh làm trung tâm là điều kiện tốt để phát triển khả năng tự chủ	0%	9%	16,7%	51,3%	23,1%

4.3 Mong muốn và tính khả thi về nâng cao khả năng tự chủ cho người học

Hình 1 trình bày mong muốn của giảng viên cho phép sinh viên tham gia vào quá trình quyết định các khía cạnh dạy và học và tính khả thi khi thực hiện điều này. Ở hầu hết các mặt, giảng viên rất mong muốn sinh viên có quyền tham gia quyết định, với điểm trung bình dao động trên 3.0 (khả thi); nhưng ngược lại, họ tin rằng khả năng hiện

thực hóa những mong muốn hầu như không cao. Ba khía cạnh mà giảng viên tin tưởng có thể cho sinh viên tham gia vào quyết định là chủ đề thảo luận, hoạt động học tập trên lớp và tài liệu học tập, với điểm trung bình gần bằng 3.0; sinh viên khó có thể tham gia vào quyết định các khía cạnh như phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, và mục tiêu môn học, M dao động ở mức 2.0 (ít khả thi).



Hình 1: Mong muốn và tính khả thi cho phép sinh viên tham gia quyết định

1=không mong muốn/không khả thi, 4= rất mong muốn/rất khả thi

Các giảng viên chia sẽ:

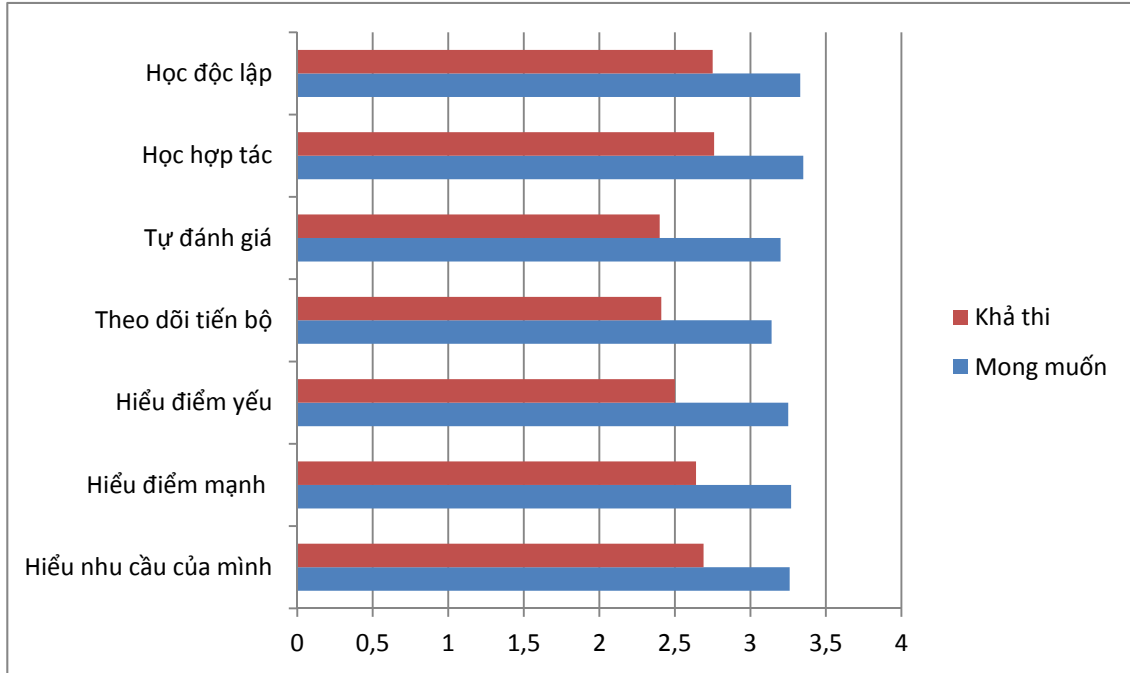
Phương pháp giảng dạy, hoạt động giảng dạy liên quan trực tiếp đến người giáo viên thì khó có tính khả thi. (GV2)

Phương pháp đánh giá cũng tùy thuộc vào giáo viên, điểm giữa kì 40%, cuối kì 60%, giáo viên có thể chi tiết hoá điểm giữa học kì nhưng do giáo viên, không phải dựa vào sinh viên (GV5)

Đa số các tài liệu học tập, mục tiêu là lấy từ khung; thời gian không cho phép sinh viên thay đổi; tài liệu cũng có khung cứng, giáo viên có thể cho thêm một số tài liệu học thêm (GV2).

Hình 2 cho thấy tất cả giảng viên đều mong muốn sinh viên có các kỹ năng tự học và tự chịu trách nhiệm trong học tập. Ngược lại, họ lại nghĩ

rằng tính khả thi để phát triển các kỹ năng này cho sinh viên là không cao, dao động khoảng $M=2.5$, trong đó khả năng có thể phát triển kỹ năng học độc lập và học hợp tác cho sinh viên là cao nhất ($M > 2.7$), và thấp nhất là kỹ năng tự theo dõi và tự đánh giá tiến bộ trong học tập ($M < 2.5$). Một số giảng viên chia sẻ:



Hình 2: Mong muốn và tính khả thi về các kỹ năng học tập của sinh viên

1=không mong muốn/không khả thi, 4= rất mong muốn/rất khả thi

Giáo viên kỳ vọng sinh viên theo dõi quá trình học, nhưng đó chỉ là kỳ vọng. Tóm lại mong muốn nhưng không khả thi vì nếu mình là cố vấn học tập thì sẽ sâu sát hơn còn thực tế thì mình là giáo viên học phần nên chỉ đánh giá được sinh viên trên học phần mình dạy, không đánh giá được những kỹ năng khác. (GV5)

Sinh viên vẫn cho giáo viên là trung tâm, nên sẽ mất rất nhiều thời gian để sv thay đổi nhận thức, bị ảnh hưởng bởi quan niệm, mối quan hệ giữa thầy và trò. (GV2)

5 THẢO LUẬN

Giống như nhiều giáo viên tiếng Anh trong một số nghiên cứu (Borg & Al-busaidi, 2012; Yoshi, 2011), giảng viên tiếng Anh Việt Nam tin rằng tự chủ trong học tập giúp người học phát triển khả năng tiếng Anh quan niệm tự chủ trong học tập theo khuynh hướng tâm lý học. Các kỹ năng tự học

bao gồm học độc lập, học nhóm, tự theo dõi và đánh giá việc học là những kỹ năng mà theo các giảng viên sinh viên cần phải có. Kết quả này giống với nghiên cứu của Borg và Al-Busaidi (2012) đối với giáo viên tiếng Anh tại Oman. Tuy nhiên, điểm khác biệt là quan điểm chính trị về tự chủ của giáo viên tiếng Anh ở Oman đứng hàng thứ hai, trong khi đó, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy quan điểm xã hội được giảng viên ủng hộ đứng hàng thứ hai. Sự khác biệt này có lẽ là do cấu trúc xã hội chưa cho phép thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm ở đa số các trường đại học, và tại các trường, mức độ tự chủ của giảng viên liên quan đến chương trình, mục tiêu đào tạo, và tài liệu giảng dạy cũng chưa cao. Chuyển đổi sang cơ chế tín chỉ, nhưng giảng viên tiếng Anh chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm và vẫn còn giữ quan điểm truyền thống về giảng dạy. Họ còn tâm lý e sợ người học không đủ kỹ năng để tự quyết định và chọn lựa. Một giảng viên chia sẻ:

...khả năng tự chủ trong học tập của sinh viên không có (chưa quan tâm), ví dụ hỏi về mục tiêu môn học nhưng sv không đóng góp. (GV4)

Kết quả này tương thích với Nguyễn Thanh Vân (2011) khi cho rằng giảng viên xem mình như là người tự quyết định chọn lựa và thiết kế hoạt động dạy-học, và sinh viên không đủ tự tin để chọn lựa và ra quyết định về quá trình học của mình. Kết quả này cũng tương thích với một kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy mức độ tự tin về phương pháp học tập của sinh viên Anh văn tại một trường đại học tương đối thấp (Nguyễn Văn Lợi, Chung T.Thanh Hằng, & Đỗ X. Hải, 2013). Việc tự học một mình dưới nhiều hình thức như đi thư viện, tự luyện tập, cũng được cho là có ích, nhưng dường như không được tin tưởng lắm, cũng có lẽ vì các giảng viên chưa tin vào khả năng của sinh viên như đã nêu trên.

Giống nghiên cứu của Borg và Al-Busaidi (2012), nghiên cứu của chúng tôi cho thấy sự khác biệt rất lớn về sự mong muốn và tính khả thi đối với việc sinh viên được quyền tham gia quyết định quá trình học tập, và phát triển các kỹ năng tự học liên quan đến khả năng tự chủ. Trong khi kỳ vọng cao, giảng viên lại tin rằng khó có thể thực thi việc cho sinh viên tham gia quyết định các khía cạnh liên quan đến quá trình dạy và học. Điều này là do giảng viên thiếu tự tin vào sinh viên, và đồng thời vẫn còn giữ quan niệm truyền thống về truyền đạt kiến thức.

6 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả nghiên cứu cho thấy giảng viên tiếng Anh tại một số trường đại học có nhận thức cao về phát triển khả năng tự chủ cho sinh viên tiếng Anh, theo hướng phát triển các kỹ năng tự học và làm việc nhóm, nhưng giảng viên ít ủng hộ việc tham gia quyết định của sinh viên vào quá trình học tập. Với kết quả này, nghiên cứu có một số đề xuất sau đây:

– Đề thúc đẩy khả năng tự chủ, ngoài việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng tự học và làm việc nhóm thông qua các hoạt động học tập, giảng viên cần mở rộng hơn quyền tham gia tự kiểm soát việc học cho sinh viên.

– Quan niệm hạn chế về quyền lựa chọn và quyết định cho thấy giảng viên tiếng Anh cần tăng cường hơn nữa sự lựa chọn trong hoạt động học tập để phát huy tinh thần tự chịu trách nhiệm của sinh viên. Giảng viên có thể thiết kế các hoạt động hoặc

giới thiệu tài liệu tự học và yêu cầu sinh viên lựa chọn và hoàn thành theo sở thích của mình với sự giám sát và hỗ trợ của giảng viên. Giảng viên cũng cần tin tưởng rằng những hoạt động như thế sẽ giúp sinh viên phát triển khả năng tự chủ việc học của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aoki, N., & Smith, R. C. (1999). Learner autonomy in cultural context: the case of Japan. In S. Cotterall & D. Crabbe (Eds.), *Learner autonomy in language learning: Defining the field and effecting change* (Vol. 8, pp. 19-28). Frankfurt: Peter Lang.
2. Benson, P. (2009). Making sense of autonomy in language learning. In R. Pemberton, S. Toogood & A. Barfield (Eds.), *Maintaining Control: Autonomy and Language Learning* (pp. 13-26). Hong Kong: Hong Kong University Press.
3. Berliner, D. C. (2005). The place of process-product research in developing the agenda for research on teacher thinking. In P. M. Denicolo & M. Kompf (Eds.), *Teacher thinking and professional action* (pp. 3-15). London: Routledge.
4. Borg, S. (2006). *Teacher cognition and language education* (1st ed.). London: Continuum.
5. Borg, S., & Al-busaidi, S. (2012). Teachers' beliefs and practices regarding learner autonomy. *ELT Journal*, 66(3), 283-292.
6. Benson, P. & Voller, P. (1997). *Autonomy and Independence in Language Learning*. London: Longman Dickinson, L. (1993). Aspects of autonomous learning: An interview with Leslie Dickinson. *ELT Journal* 47, 330-335.
7. Crabbe, D. (1999). Introduction. In S. Cotterall & D. Crabbe (Eds.), *Learner autonomy in language learning: defining the field and effecting change* (Vol. 8, pp. 3-11). Frankfurt: Peter Lang.
8. Dam, L. (1995). *Learner Autonomy 3: From Theory to Classroom Practice*. Dublin: Authentik.
9. Egel, I. B. (2009). Learner autonomy in language classroom: from teacher dependency to learner independency. *Procedia Social and Behavioral Sciences*, 1, 2023-2026.

10. Holec, H.(1979). *Autonomy and Foreign Language Learning*. Council for Cultural Cooperation, Strasbourg, France.
11. Hurd, S., Beaven, T., & Ortega, A. (2001). Developing autonomy in a distance language learning context: Issues and dilemmas for course writers. *System*, 29(3), 341-355.
12. Kohonen, V. (2012). Developing autonomy through ELP-oriented pedagogy:exploring the interplay between shallow and deep structures in a major change within language education. In B. Kuhn & M. L. P. Cavana (Eds.), *Perspective from the European Language Portfolio: Learner autonomy and self-assessment* (pp. 8-22). London and New York: Routledge.
13. Little, D. (1991). *Learner autonomy: Definitions, issues and problems*. Dublin: Authentik.
14. Little, D. (1999). Learner autonomy is more than a Western cultural construct. In S. Cotterall & D. Crabe (Eds.), *Learner autonomy in language learning: Defining the field and effecting change* (Vol. 8, pp. 11-18). Frankfurt: Peter Lang.
15. Nguyen Thanh Van. (2011). Language learners' and teachers' perceptions relating to learner autonomy: Are they ready for autonomous language learning? *VNU Journal of Science, Foreign Languages* 27, 41-52.
16. Nguyễn Văn Lợi, Chung T.Thanh Hằng, & Đỗ X. Hải. (2013). Năng lực tiếng Anh của sinh viên Sư phạm Anh tiếng Anh được đào tạo theo chương trình 120 tín chỉ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ (Phần C)*, 26(26), 1-8.
17. Yoshi, K. R. (2011). Learner perceptions and teacher beliefs about learner autonomy in language learning. *Journal of NELTA*, 16(1-2), 13-31.